TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HS-ST
Ngày: 28 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Phương
Ông Đặng Ngọc Bình
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Hiền
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07 /2024/HSST ngày 22/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07 /2024/QĐXXST - HS ngày 20/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/HSST - QĐ ngày 06/3/2024 đối với bị cáo:

Đoàn Đình N - sinh ngày 23/02/2002;
Nơi cư trú: xã Đ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Đình K và bà Đoàn Thị L; có vợ là Nguyễn Thị Đ và chưa có con; tiền án, tiền sự: Không.
Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2023 đến ngày 22/11/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.
Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**
- Chị Trần Thị D - sinh năm 1987 (vắng mặt).
Địa chỉ: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
- Anh Hồ Lê H - sinh năm 1979 (vắng mặt).
Địa chỉ: chung cư Ruby, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi, trong khoảng thời gian từ tháng 06/2023 đến tháng 10/2023, Đoàn Đình N đã sử dụng tiền của mình cho người dân trên địa bàn huyện Quảng Xương và thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa vay với lãi suất 6.774đ/1 triệu/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 246.16%/1 năm, gấp 12.3 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Mỗi khi có người vay tiền, N sẽ kiểm tra thông tin của người vay như: tên, tuổi, địa chỉ, điều kiện gia đình, hoàn cảnh kinh tế. Tùy theo điều kiện gia đình và hoàn cảnh kinh tế của người vay mà N sẽ đưa ra các gói vay và hình thức vay khác nhau. Nếu người vay đồng ý vay thì N sẽ đưa tiền cho người vay, sau đó người vay sẽ phải trả tiền gốc và tiền lãi cho N theo như thỏa thuận cho đến khi trả xong gói vay.

Đến ngày 19/11/2023 nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Đoàn Đình N đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Đoàn Đình N tại xã Đ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương phát hiện thu giữ 02 giấy vay nợ có chữ ký tên của Đoàn Đình N và khách vay là Trần Thị D và Hồ Lê H.

* Quá trình điều tra xác định: Từ tháng 6 năm 2023 đến tháng 10 năm 2023, Đoàn Đình N đã sử dụng số tiền 45.000.000đ của cá nhân cho 02 khách vay lấy lãi với mức lãi suất đều vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Cụ thể như sau:

1. Đoàn Đình N cho chị Trần Thị D (ở xã T, huyện Quảng Xương) vay 05 lần cụ thể:

- Ngày 13/6/2023 chị D vay của N số tiền 30.000.000đ, hình thức vay trả góp tiền gốc và tiền lãi theo ngày, mỗi ngày trả cho N 900.000đ trong thời gian 43 ngày, tương đương với lãi suất 6.744đ/1triệu/ ngày (246.16%/năm). Khi vay N cắt trước 2.100.000đ phí hồ sơ; 900.000đ tiền gốc, tiền lãi ngày đầu tiên và yêu cầu chị D viết giấy vay nợ để N giữ. Đối với khoản vay này, đến ngày 12/7/2023 chị D đã trả hết tiền gốc, tiền lãi cho N, trong đó tổng tiền lãi, phí hồ sơ theo thỏa thuận mà N đã thu của chị D là 10.800.000đ. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong vòng 43 ngày cho khoản vay là 706.849đ; Đoàn Đình N đã thu lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 7.993.151đ và 2.100.000đ tiền phí hồ sơ. Tổng tiền thu lời bất chính là 10.093.151đ.

- Ngày 12/7/2023 chị D vay của N số tiền 30.000.000đ, hình thức vay trả góp tiền gốc và tiền lãi theo ngày, mỗi ngày trả cho N 900.000đ trong thời gian 43

ngày, tương đương với lãi suất 6.744đ/1triệu/ngày (246.16%/năm). Khi vay N cắt trước 2.600.000đ phí hồ sơ; 900.000đ tiền gốc, tiền lãi ngày đầu tiên. Đối với khoản vay này, ngày 10/8/2023 chị D đã trả hết tiền gốc, tiền lãi cho N, trong đó tổng tiền lãi, phí hồ sơ theo thỏa thuận mà N đã thu của chị D là 11.300.000đ, trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong 43 ngày của khoản vay là 706.849đ; Đoàn Đình N đã thu lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 7.993.151đ và 2.600.000đ tiền phí hồ sơ. Tổng tiền thu lời bất chính là 10.593.151đ.

- Ngày 10/8/2023 chị D vay của N số tiền 30.000.000đ, hình thức vay trả góp tiền gốc và tiền lãi theo ngày, mỗi ngày trả cho N 900.000đ trong thời gian 43 ngày, tương đương với lãi suất 6.744đ/1triệu/ngày (246.16%/năm). Khi vay N cắt trước 2.700.000đ phí hồ sơ; 900.000đ tiền gốc, tiền lãi ngày đầu tiên. Đối với khoản vay này, ngày 11/9/2023 chị D đã trả hết tiền gốc, tiền lãi cho N, trong đó tổng tiền lãi, phí hồ sơ theo thỏa thuận mà N đã thu của chị D là 11.400.000đ, trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong 43 ngày của khoản vay là 706.849đ; Đoàn Đình N đã thu lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 7.993.151đ và 2.700.000đ tiền phí hồ sơ. Tổng tiền thu lời bất chính là 10.693.151đ.

- Ngày 11/9/2023 chị D vay của N số tiền 30.000.000đ, hình thức vay trả góp tiền gốc và tiền lãi theo ngày, mỗi ngày trả cho N 900.000đ trong thời gian 43 ngày, tương đương với lãi suất 6.744đ/1triệu/ngày (246.16%/năm). Khi vay N cắt trước 2.800.000đ phí hồ sơ; 900.000đ tiền gốc, tiền lãi ngày đầu tiên. Đối với khoản vay này, ngày 07/10/2023 chị D đã trả hết tiền gốc, tiền lãi cho N, tổng tiền lãi, phí hồ sơ theo thỏa thuận mà N đã thu của chị D là 11.500.000đ, trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong 43 ngày của khoản vay là 706.849đ; Đoàn Đình N đã thu lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 7.993.151đ và 2.800.000đ tiền phí hồ sơ. Tổng tiền thu lời bất chính là 10.793.151đ.

- Ngày 07/10/2023 chị D vay của N số tiền 30.000.000đ, hình thức vay trả góp tiền gốc và tiền lãi theo ngày, mỗi ngày trả cho N 900.000đ trong thời gian 43 ngày, tương đương với lãi suất 6.744đ/1triệu/ngày (246.16%/năm). Khi vay N cắt trước 2.100.000đ phí hồ sơ; 900.000đ tiền gốc, tiền lãi ngày đầu tiên. Tổng lãi thu theo thoản thuận là 8.700.000đ, trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất theo quy định của BLDS của khoản vay theo thỏa thuận là 706.849 đ, số tiền lãi Đoàn Đình N nhằm thu vượt quá là 7.993.151đ.

Tính đến thời điểm phát hiện tội phạm (ngày 19/11/2023), chị D đã vay của N số tiền trên trong thời gian 35 ngày. Thực tế số tiền chị D đã đóng cho N đối với khoản vay này là 33.600.000đ (gồm: 24.430.000đ tiền gốc, 7.081.395đ tiền lãi và

2.100.000đ phí hồ sơ). Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong 35 ngày của khoản vay là 575.342đ; Đoàn Đình N đã thu lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 6.506.053đ và 2.100.000đ tiền phí hồ sơ. Tổng tiền thu lời bất chính là 8.606.053đ.

Tổng số tiền Đoàn Đình N đã thu lời bất chính của chị Trần Thị D trong 05 lần vay là 50.778.657đ.

2. Ngày 04/9/2023 Nam cho anh Hồ Lê H (ở Chung cư Ruby, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa) vay 15.000.000đ hình thức trả góp tiền gốc tiền lãi theo ngày, mỗi ngày đóng 450.000đ trong thời gian 43 ngày, tương đương lãi suất 6.744đ/1 triệu/ngày (46.16%/năm), N cắt trước 450.000đ tiền trả góp ngày đầu tiên và 1.500.000đ tiền phí hồ sơ, anh H viết giấy vay nợ đưa cho N giữ. Đối với khoản vay này, anh H đã trả hết tiền gốc, tiền lãi cho N, trong đó tổng tiền lãi, phí hồ sơ theo thỏa thuận mà N đã thu của anh H là 5.850.000đ, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong 43 ngày của khoản vay là 353.425đ; Đoàn Đình N đã thu lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 3.996.575đ và 1.500.000đ tiền phí hồ sơ. Tổng tiền thu lời bất chính là 5.496.575đ.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2023 đến tháng 11/2023, Đoàn Đình N đã sử dụng số tiền 45.000.000đ cho 02 khách vay gồm: Chị Trần Thị D, anh Hồ Lê H vay với lãi suất 246.16%/1năm. Mức lãi suất trên đã vượt quá từ 12.3 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, trong đó:

Tổng số tiền lãi theo thoả thuận và số tiền thu bất hợp pháp mà Đoàn Đình N đã thu được của 02 người vay kể từ ngày vay cho đến ngày 19/11/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm) là 56.275.231đ. Trong đó, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 3.887.671đ; số tiền lãi vượt quá quy định mà Đoàn Đình N đã thu được là 42.475.231đ.

Ngoài việc thu tiền lãi của khách, khi cho chị D, anh H vay tiền, Đoàn Đình N đã thu thêm số tiền phí hồ sơ là 13.800.000đ mục đích để hưởng lợi cá nhân, đây là khoản thu bất hợp pháp.

Như vậy, tổng số tiền N thu lời bất chính là 56.275.231đ *(Năm mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi mốt đồng*).

* Về các biện pháp tư pháp:

- *Đối với các khoản nợ gốc:* Tổng số tiền 165.000.000đ là tiền những người vay đã trả cho N với mỗi khoản vay. Tuy nhiên cần xác định khoản vay 30.000.000đ tiền gốc Nam cho chị D vay lần đầu, N chuyển tiền lãi và tiền gốc thu được của các lần vay đầu tiền để cho chị D vay vào các lần vay tiếp theo của tháng 7/2023; tháng 9/2023 và tháng 10/2023, như vậy số tiền gốc N dùng để

cho chị D vay từ nguồn tiền quay vòng là 30.000.000đ. Đoàn Đình N cho anh Hồ Lê H vay 15.000.000đ trong tháng 9/2023 là nguồn tiền vốn độc lập của N. Vì vậy cần xác định số tiền gốc là tiền N sử dụng để cho những người vay và đã thu được của chị Trần Thị D, anh Hồ Lê H là 45.000.000đ, đây tiền N sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu để sung công quỹ Nhà nước. Trong đó: Tịch thu của N số tiền 39.430.000đ tiền gốc người vay đã trả cho N; Tịch thu số tiền 5.570.000đ của chị D là tiền gốc chị D còn nợ N khoản vay ngày 07/10/2023.

- *Đối với số tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất BLDS:* Số tiền 3.887.671đ là tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu của Đoàn Đình N để sung công quỹ Nhà nước.

- *Đối với số tiền thu lời bất chính mà Đoàn Đình N đã thu của người vay, gồm*: Chị Trần Thị D 50.778.675 đ; anh Hồ Lê H 5.496.575đ. Quá trình điều tra xác định chị Trần Thị D, anh Hồ Lê H đều sử dụng tiền vay vào mục đích cá nhân hợp pháp, chị D, anh H đều yêu cầu N trả lại, do vậy, cần buộc N phải trả lại số tiền trên cho chị D và anh H.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKSQX ngày 19/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố bị cáo Đoàn Đình N về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Quảng Xương giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 36 của BLHS. Xử phạt bị cáo Đoàn Đình N từ 15 đến 18 tháng tháng Cải tạo không giam giữ; được trừ đi 03 ngày tạm giữ (từ ngày 19/11/2023 đến ngày 22/11/2023) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Còn phải chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ còn lại từ 14 tháng 21 ngày đến 17 tháng 21 ngày. Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

***** Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201 BLHS; đề nghị phạt bị cáo Đoàn Đình N từ 40.000.000đ đến 45.000.000đ.

* Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46; điểm a,b khoản 1 Điều 47; Điều 48 BLHS. Điều 5 Nghị quyết 01/2021 ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 BLHS; đề nghị:

- *Đối với số tiền gốc:* Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 45.000.000đ là tiền Đoàn Đình N sử dụng cho chị Trần Thị D và anh Hồ Lê H vay. Cụ thể: Tịch thu của Đoàn Đình N số tiền 39.430.000đ tiền gốc người vay đã trả cho N; Tịch thu của chị Trần Thị D số tiền 5.570.000đ là tiền gốc chị D còn nợ N.

- Đối với tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS: Tịch thu của Đoàn Đình N để sung vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 3.887.671đ là tiền lãi N đã thu được của chị D và anh H (tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự).

- Đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định của Nhà nước mà Đoàn Đình N đã thu của người vay số tiền 56.275.250đ gồm: Chị Trần Thị D 50.778.675đ; anh Hồ Lê H 5.496.575đ. Chị Trần Thị D và anh Hồ Lê H đều yêu cầu Đoàn Đình N trả lại số tiền trên. Buộc Đoàn Đình N trả lại số tiền trên cho chị Trần Thị D và anh Hồ Lê H.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Xác định: Xuất phát từ động cơ tư lợi, trong khoảng thời gian từ tháng 06/2023 đến tháng 10/2023, Đoàn Đình N đã sử dụng số tiền 45.000.000đ của cá nhân cho chị Trần Thị D, anh Hồ Lê H vay với lãi suất 246.16%/1 năm. Mức lãi suất trên đã vượt quá 12.3 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính với tổng số tiền là 56.275.231đ.

HĐXX đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS. Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố bị cáo về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân

sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án và nhân thân của bị cáo:

- Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do muốn thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, ngoài ra còn ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội. Hành vi đó làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của bị cáo:

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét tính chất của vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo HĐXX xét thấy cho bị cáo Đoàn Đình N được cải tạo tại địa phương cũng đủ sức giáo dục và phòng ngừa chung.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, người bị kết án bị khấu trừ một phần thu nhập 05% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo thuộc diện lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên HĐXX miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201của BLHS: Phạt bị cáo Đoàn Đình N 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*).

[6] Về biện pháp tư pháp:

- *Đối với số tiền gốc:* Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 45.000.000đ là tiền Đoàn Đình N sử dụng cho chị Trần Thị D và anh Hồ Lê H vay. Cụ thể: Tịch thu của Đoàn Đình N số tiền 39.430.000đ tiền gốc người vay đã trả cho N; Tịch thu của chị Trần Thị D số tiền 5.570.000đ là tiền gốc chị D còn nợ N.

- *Đối với tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS*: Tịch thu của Đoàn Đình N để sung vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 3.887.671đ là tiền lãi N đã thu được của chị D và anh H (tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự).

- Đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định của Nhà nước mà Đoàn Đình N đã thu của người vay số tiền 56.275.250đ gồm: Chị Trần Thị D 50.778.675đ; anh Hồ Lê H 5.496.575đ. Chị Trần Thị D và anh Hồ Lê H đều yêu cầu Đoàn Đình N trả lại số tiền trên. Buộc Đoàn Đình N trả lại số tiền trên cho chị Trần Thị D và anh Hồ Lê H.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 của BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Đình N phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

Xử phạt bị cáo Đoàn Đình N 15(*Mười lăm*) tháng Cải tạo không giam giữ; được trừ đi 03 ngày tạm giữ (từ ngày 19/11/2023 đến ngày 22/11/2023) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Còn phải chấp hành 14 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm tính chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Quảng Xương nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Đoàn Đình N cho UBND xã Quảng Đ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo Đoàn Đình N.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201của BLHS: Phạt bị cáo Đoàn Đình N 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*).

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47; Điều 48 BLHS. Điều 5 Nghị quyết 01/2021 ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 BLHS.

Đối với số tiền gốc: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 45.000.000đ là tiền Đoàn Đình N sử dụng cho chị Trần Thị D và anh Hồ Lê H vay. Cụ thể: Tịch thu của Đoàn Đình N số tiền 39.430.000đ tiền gốc người vay đã trả cho N; Tịch thu của chị Trần Thị D số tiền 5.570.000đ là tiền gốc chị D còn nợ N.

Đối với tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS: Tịch thu của Đoàn Đình N để sung vào ngân sách Nhà nước tổng số

tiền 3.887.671đ là tiền lãi N đã thu được của chị D và anh H (tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự).

Đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định của Nhà nước mà Đoàn Đình N đã thu của người vay số tiền 56.275.250đ.

Buộc Đoàn Đình N phải trả lại gồm: Trả cho chị Trần Thị D 50.778.675đ; Trả cho anh Hồ Lê H 5.496.575đ.

- Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Mục 1 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

Buộc bị cáo Đoàn Đình N phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND H Quảng Xương;*
- *THADS huyện Quảng Xương;*
- *Công an huyện Quảng Xương;*
- *Bị cáo;*
- *Người có QLNVLQ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy